

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 3 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,265,936,277,792	844,892,330,076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	120,051,345,381	23,826,565,603
1. Tiền	111		54,051,345,381	23,826,565,603
2. Các khoản tương đương tiền	112		66,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		47,052,109,707	14,100,155,040
1. Chứng khoán kinh doanh	121	2a	6,438,471,007	6,439,841,340
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	2a	(2,736,361,300)	(2,689,686,300)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2b	43,350,000,000	10,350,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350,748,671,007	351,505,050,480
1. Phải thu của khách hàng	131	3	21,212,596,493	21,532,075,822
2. Trả trước cho người bán	132	4	25,096,937,481	35,824,362,526
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	40,828,500,000	678,500,000
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	6	265,224,114,128	295,083,589,227
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1,613,477,095)	(1,613,477,095)
IV. Hàng tồn kho	140		731,118,473,244	446,429,603,358
1. Hàng tồn kho	141	8	731,118,473,244	446,429,603,358
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,965,678,453	9,030,955,595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31,547,109	2,530,745
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16,934,131,344	9,028,424,850
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		528,299,758,145	474,945,092,781
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		67,702,500,000	67,702,500,000
4. Phải thu dài hạn khác	218	11	67,702,500,000	67,702,500,000
II. Tài sản cố định	220		1,976,838,426	1,992,326,478
1. TSCĐ hữu hình	221	10	1,952,393,983	1,940,382,034
- Nguyên giá	222		2,907,584,513	2,594,911,215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(955,190,530)	(654,529,181)
3. TSCĐ vô hình	227	11	24,444,443	51,944,444
- Nguyên giá	228		162,888,000	162,888,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138,443,557)	(110,943,556)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		76,369,222,108	76,369,222,108
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	76,369,222,108	76,369,222,108
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		329,366,248,217	327,263,871,887
1. Đầu tư vào Công ty con	251	2c	331,723,736,716	330,486,236,491
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	2c	864,876,105	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	2c	(3,222,364,604)	(3,222,364,604)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		52,884,949,394	1,617,172,308
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	52,884,949,394	1,617,172,308
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,794,236,035,937	1,319,837,422,857

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,376,671,864,675	937,490,816,729
I. Nợ ngắn hạn	310		1,054,278,901,863	747,536,918,527
1. Phải trả ngắn hạn người bán	311	13	27,709,364,667	10,275,317,518
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	261,528,271,201	4,896,246,100
3. Thuế và các khoản phải trả nhà nước	313	15	1,147,337,145	540,218,068
4. Phải trả người lao động	314		2,672,884,470	1,564,845,428
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	10,585,434,749	9,073,991,447
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17a	339,450,319,425	173,494,011,263
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18a	411,087,300,310	547,604,702,807
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	19	97,989,896	87,585,896
II. Nợ dài hạn	330		322,392,962,812	189,953,898,202
7. Phải trả dài hạn khác	337	16b	44,716,546,500	42,916,546,500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17b	277,676,416,312	147,037,351,702
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		417,564,171,262	382,346,606,128
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	417,564,171,262	382,346,606,128
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		364,000,000,000	364,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		364,000,000,000	364,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46,144,781,818	46,144,781,818
5. Cổ phiếu quỹ	415		(9,481,291,820)	(9,481,291,820)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,293,626,226	1,293,626,226
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15,607,055,038	(19,610,510,096)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19,600,518,801)	(22,706,948,545)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		35,207,573,839	3,096,438,449
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,794,236,035,937	1,319,837,422,857

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀI GIANG

PHẠM DUY HÙNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2019

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VND		
			Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Lũy kế đến quý III năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI	34,826,887,733	-	37,819,591,812
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	10	1	34,826,887,733	-	37,819,591,812
4. Giá vốn hàng bán	11	2	14,702,816,270	-	16,546,153,796
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		20,124,071,463	-	21,273,438,016
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	1,264,467,208	(3,900,958,115)	44,292,803,613
7. Chi phí tài chính	22	4	1,153,933,901	204,668,938	2,965,461,053
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1,152,563,568	118,670,357	2,790,580,111
8. Chi phí bán hàng	24	5	158,503,636	204,260,000	683,327,727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6	10,065,371,355	8,045,249,880	28,311,069,769
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,010,729,779	(12,355,136,933)	33,606,383,080
11. Thu nhập khác	31	7	1,255,950,133	60,000	2,068,043,531
12. Chi phí khác	32	8	320,000,000	-	466,852,772
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		935,950,133	60,000	1,601,190,759
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10,946,679,912	(12,355,076,933)	35,207,573,839
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				2,245,943,220
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,946,679,912	(12,355,076,933)	15,286,166,259
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	9	301	(339)	301

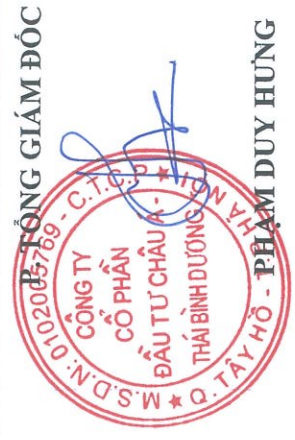
Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÒNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN HOÀI GIANG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Đến Quý II năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Đến Quý II năm 2019	Đến Quý II năm 2018
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		35,207,573,839	17,532,109,479
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
	- Khấu hao TSCĐ	02		328,161,350	95,865,520
	- Các khoản dự phòng	03		46,675,000	(6,684,156,820)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,436,033,066)	(24,804,369,879)
	- Chi phí lãi vay	06		2,790,580,111	270,958,702
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		35,936,957,234	(13,589,592,998)
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(6,566,925,026)	(30,109,027,266)
	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(284,688,869,886)	(351,986,532,722)
	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		405,555,212,682	218,457,175,716
	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(51,296,793,450)	(292,243,097)
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		1,370,333	(1,124,098,927)
	- Tiền lãi vay đã trả	14		(2,242,997,097)	(270,958,702)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,958,593,115)	(2,882,711,926)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		19,727,500	
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9,323,500)	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		94,749,765,675	(181,797,989,922)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn kh	21		(312,673,298)	(13,011,240,115)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63,000,000,000)	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30,000,000,000	
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,102,376,330)	(597,917,588)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		1,853,631,071	536,271,885
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(33,561,418,557)	(13,072,885,818)
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		285,989,672,251	223,971,000,000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(250,953,239,591)	(45,005,340,490)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		35,036,432,660	178,965,659,510
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		96,224,779,778	(15,905,216,230)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23,826,565,603	20,654,158,643

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019

CÔNG TY CP ĐT CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

Q.KẾ TOÁN TRƯỞNG

P.TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN HOÀI GIANG



11
0
4
7
11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tư vấn, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư, kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng, ngoại trừ các công trình đặc thù của hoạt động kinh doanh bất động sản trên 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương - Bắc Ninh	Khu Thanh Sơn, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	30 Lê Lợi, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	99,99	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	Tầng 3 nhà 205, đường Lê Hoàn, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên	Ngã 3 Bắc Nam, tổ 22, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	Tầng 9, tòa nhà HCC, 28 Lý Thường Kiệt, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	90,16%	90,16%	90,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Dubai	Đường Yên Ninh, Phường Mỹ Hải, TP. Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	55%	55%	55%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Phó Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty chỉ bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng và chi phí công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản của Công ty được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, doanh thu được ghi nhận một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản.
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê.
- Giá vốn của hoạt động cho thuê được ước tính tương đối đầy đủ.

Trong 6 tháng đầu của năm 2019, Công ty phát sinh khoản doanh thu cho thuê đất được hạch toán một lần đối với toàn bộ tiền cho thuê nhận trước.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30.09.2019</u>	<u>01.01.2019</u>
Tiền mặt	58.252.298	33.821.012
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.993.093.083	23.792.744.591
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	66.000.000.000	-
Cộng	<u>120.051.345.381</u>	<u>23.826.565.603</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>30.09.2019</u>			<u>01.01.2019</u>		
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu		6.243.865.000	(2.736.361.300)		6.243.865.000	(2.689.686.300)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	93.350	2.987.200.000	(2.735.155.000)	93.350	2.987.200.000	(2.688.480.000)
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	142.272	2.138.120.000		142.272	2.138.120.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	17.199	701.190.000		17.199	701.190.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần hàng Hải	41.325	413.250.000		41.325	413.250.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	101	4.105.000	(1.206.300)	101	4.105.000	(1.206.300)
Các khoản đầu tư khác		194.606.007			195.976.340	
Ủy thác đầu tư (*)		194.606.007			195.976.340	
Cộng	<u>294.247</u>	<u>6.438.471.007</u>	<u>(2.736.361.300)</u>	<u>294.247</u>	<u>6.439.841.340</u>	<u>(2.689.686.300)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	2.689.686.300
Trích lập dự phòng bổ sung	46.675.000
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	<u>2.736.361.300</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30.09.2019		01.01.2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	331.723.736.716	(3.222.364.604)	330.486.236.491	(3.222.364.604)
Công ty TNHH Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương Bắc Ninh	56.216.634.125	-	56.216.634.125	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế	168.980.000.000	-	168.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Hà Nam	33.476.000	-	30.569.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Túc Duyên	15.833.626.591	(3.222.364.604)	15.259.033.366	(3.222.364.604)
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Quốc tế Dubai	660.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	864.876.105	-	-	-
Góp vốn vào Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ Sơn	864.876.105	-	-	-
Cộng	332.588.612.821	(3.222.364.604)	330.486.236.491	(3.222.364.604)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30.09.2019	01.01.2019
Phải thu các bên liên quan	17.172.678.434	19.238.095.263
Công ty Cổ phần Dream Works Việt Nam	16.117.678.434	18.083.095.263
Ông Phạm Duy Hưng	1.055.000.000	1.155.000.000
Phải thu các khách hàng khác	4.039.918.059	2.293.980.559
Các khách hàng khác	4.039.918.059	2.293.980.559
Cộng	21.212.596.493	21.532.075.822

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30.09.2019	01.01.2019
Trả trước cho các bên liên quan	10.001.892.286	22.104.550.906
Công ty CP chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	1.892.286	104.550.906
Công ty CP Đầu tư IDJ Việt Nam	10.000.000.000	22.000.000.000
Trả trước cho người bán khác	15.095.045.195	13.719.811.620
Cty TNHH đầu tư TM& DV Hưng Anh	-	1.218.125.540
Công ty TNHH Thang máy ThyssenKrupp Việt Nam	3.291.600.000	-
Các nhà cung cấp khác	11.803.445.195	12.501.686.080
Cộng	25.096.937.481	35.824.362.526

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30.09.2019	01.01.2019
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	40.828.500.000	678.500.000
Phải thu Công ty CP Chứng khoán APS	678.500.000	678.500.000
Cho Công ty Cổ phần BG Group vay với lãi suất 12%/năm	40.150.000.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Cộng	40.828.500.000	678.500.000

6. Các khoản phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	30.09.2019		01.01.2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	2.439.315.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Linh-tạm ứng chi phí dự án	-	-	2.309.315.000	-
Ông Phạm Duy Hưng-tạm ứng chi phí dự án	-	-	130.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	265.224.114.128	(1.613.477.095)	292.644.274.227	(1.613.477.095)
Công ty Cổ phần APEC Thái Nguyên - Chi hộ dự án số 5 Túc Duyên	43.214.974.027	-	43.214.974.027	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Phương	57.075.000.000	-	57.075.000.000	-
Công ty TNHH Xử lý Môi trường Từ Sơn	6.752.078.000	-	6.752.078.000	-
Dự thu các khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn	907.182.132	-	324.780.137	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.630.778.582	-	1.630.778.582	-
Tạm ứng	108.884.233.866	-	137.724.728.825	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	46.759.867.521	(1613.477.095)	45.921.934.656	(1.613.477.095)
Cộng	265.224.114.128	(1.613.477.095)	295.083.589.227	(1.613.477.095)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản tiền ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.

7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án . Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

	30.09.2019	01.01.2019
Dự án Mandala Phú Yên	261,005,221,463	171,871,665,543
Dự án KCN Đa Hội	145,601,263,621	137,396,397,172
Dự án AQUA PARK Bắc Giang	246,807,000,158	123,954,658,340
Dự án Golden Palace Lạng Sơn	71,743,780,074	10,200,000,000
Dự án KDC số 5 Túc Duyên	1,040,406,335	1,040,406,335
Dự án Khác	4,920,801,593	1,966,475,968
Cộng	<u>731,118,473,244</u>	<u>446,429,603,358</u>

8. Chi phí trả trước dài hạn

	30.09.2019	01.01.2019
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.574.068.690	592.633.562
Chi phí bán hàng dự án chưa bàn giao	50.287.624.186	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.023.256.518	1.024.538.746
Cộng	<u>52.884.949.394</u>	<u>1.617.172.308</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.376.659.000	218.252.215	2.594.911.215
Mua trong kỳ		312.673.298	312.673.298
Số cuối kỳ	<u>2.376.659.000</u>	<u>530.925.513</u>	<u>2.907.584.513</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	595.421.086	59.108.095	654.529.181
Khấu hao trong kỳ	172.243.070	128.418.279	300.661.349
Số cuối kỳ	<u>767.664.156</u>	<u>187.526.374</u>	<u>955.190.530</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.781.237.914	159.144.120	1.940.382.034
Số cuối kỳ	<u>1.608.994.844</u>	<u>343.399.139</u>	<u>1.952.393.983</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 3 năm 2019

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm, chi tiết như sau

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	162.888.000	(110.943.556)	51.944.444
Khấu hao trong năm		(27.500.001)	(27.500.001)
Số cuối năm	162.888.000	(138.443.557)	24.444.443

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30.09.2019	01.01.2019
Dự án Khu công nghiệp Đa Hội	10.356.365.627	10.356.365.627
Dự án Trung tâm thương mại Thái Nguyên	57.912.555.062	57.912.555.062
Dự án Quản lý Chợ Tam Đa	5.605.810.607	5.605.810.607
Dự án Thành Phố Công nghệ Cao Hà Nam	1.128.806.976	1.128.806.976
Các dự án khác	1.365.683.836	1.365.683.836
Cộng	76.369.222.108	76.369.222.108

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	30.09.2019	01.01.2019
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>27.709.364.667</i>	<i>10.275.317.518</i>
Công ty CP PT ĐT và XD Long Giang 3B	6.257.142.643	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 3 - ICIC	766.160.281	1.149.931.900
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vimexco Hà Nội	996.186.480	2.086.434.930
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hưng Anh	326.662.335	1.482.224.524
Các nhà cung cấp khác	19.363.212.928	5.556.726.164
Cộng	27.709.364.667	10.275.317.518

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30.09.2019	01.01.2019
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>261.528.271.201</i>	<i>4.896.246.100</i>
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hưng Anh	2.447.200.000	4.369.498.600
Trả trước của các khách hàng mua bất động sản	258.554.323.701	-
Các khách hàng khác	526.747.500	526.747.500
Cộng	261.528.271.201	4.896.246.100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 3 năm 2019

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01.01.2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30.09.2019	
	Phải nộp			Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.663.284.780	(1.663.284.780)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	389.114.358	-	-	389.114.358	
Thuế TNDN tạm nộp 1% của bất động sản		1.958.593.115	(1.958.593.115)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.103.710	2.835.120.896	(2.228.001.819)	758.222.787	
Tiền thuế đất	-	542.809.785	(542.809.785)	-	-
Các loại thuế khác	-	26.010.000	(26.010.000)	-	
Cộng	540.218.068	7.025.818.576	(6.418.699.499)	1.147.337.145	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.207.573.839
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
Các khoản phạt chậm nộp	-
Chi phí không hợp lệ khác	-
Khoản phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	35.207.573.839
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(40.914.770.547)
Lỗi các năm trước được chuyển	
Thu nhập tính thuế	(5.707.196.708)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30.09.2019</u>	<u>01.01.2019</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	10.585.434.749	9.073.991.447
Trích trước tạm tính giá vốn cho thuê lại đất tại KCN Đa Hội	9.878.976.292	8.261.906.262
Trích trước chi phí hoạt động	136.960.300	790.170.042
Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	559.778.885	12.195.871
Chi phí phải trả khác	9.719.272	9.719.272
Cộng	<u>10.585.434.749</u>	<u>9.073.991.447</u>

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>30.09.2019</u>	<u>01.01.2019</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	339.450.319.425	173.494.011.263
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	362.715.316	196.243.591
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Mandala Phú Yên	229.592.683.082	55.179.437.000
Nhận tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Bất động sản An Phát Land vào Dự án Khu đô thị Số 5 Phường Túc Duyên	49.002.703.310	50.102.703.310
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Trung tâm thương mại Thái Nguyên	39.585.375.450	28.350.023.450
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án Aquapark Bắc Giang	793.935.000	12.021.289.568
Nhận tiền góp vốn của các cá nhân vào Dự án KCN Đa Hội- Bắc Ninh	7.395.393.476	8.021.193.476
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	12.717.513.791	19.623.120.868
Cộng	<u>339.450.319.425</u>	<u>173.494.011.263</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn, bao gồm

	<u>30.09.2019</u>	<u>01.01.2019</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	44.716.546.500	42.916.546.500
Công ty An Phát land	42.916.546.500	42.916.546.500
Dự án Aqua Park Bắc Giang	800.000.000	-
Dự án Golden Palace Lạng Sơn	400.000.000	-
Dự án Mandala Wyndham Phú Yên	600.000.000	-
Cộng	<u>44.716.546.500</u>	<u>42.916.546.500</u>

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>30.09.2019</u>	<u>01.01.2019</u>
<i>Vay các bên liên quan không tính lãi</i>	388.104.758.460	479.106.185.255
Công ty TNHH MTV Đầu tư Châu á Thái Bình Dương Bắc Ninh	84.914.962.466	262.081.352.990
Công ty Cổ phần Lagoon Lăng Cô	89.739.835.100	89.739.835.100
Công ty Cổ phần APEC Land Huế	213.449.960.894	127.284.997.165
<i>Vay tổ chức khác</i>	22.982.541.850	68.498.517.552
Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên (không tính lãi)	11.500.990.000	11.500.990.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)</i>	11.481.551.850	56.997.527.552
Cộng	<u>411.087.300.310</u>	<u>547.604.702.807</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Giảm khác (*)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn bên liên quan	479.106.185.255	130.323.343.752		(180.410.000.000)	(40.914.770.547)	388.104.758.460
Vay ngắn hạn các cá nhân và tổ chức khác	11.500.990.000			-		11.500.990.000
Vay dài hạn đến hạn trả	56.997.527.552	-		(45.515.975.702)		11.481.551.850
Cộng	<u>547.604.702.807</u>	<u>130.323.343.752</u>		<u>(225.925.975.702)</u>	<u>(40.914.770.547)</u>	<u>411.087.300.310</u>

(*) Thanh toán bù trừ cổ tức, lợi nhuận phải thu từ các Công ty con với tiền vay phải trả.

17b. Vay dài hạn

	<u>30.09.2019</u>	<u>01.01.2019</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	277.676.416.312	147.037.351.702
Vay dài hạn ngân hàng	252.506.416.312	147.037.351.702
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Đống Đa	47.833.100.000	-
Ngân hàng TNHH Indovina - CN Mỹ Đình	184.857.437.058	127.221.472.448
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	19.815.879.254	19.815.879.254
Trái phiếu thường dài hạn (v)	25.170.000.000	-
Cộng	<u>277.676.416.312</u>	<u>147.037.351.702</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	147.037.351.702	105.469.064.610	-		252.506.416.312
Trái phiếu thường		50.197.263.889	(25.027.263.889)		25.170.000.000
Cộng	<u>147.037.351.702</u>	<u>155.666.328.499</u>	<u>(25.027.263.889)</u>		<u>277.676.416.312</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	87.585.896
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	
Tăng khác	19.727.500
Chi quỹ trong kỳ	<u>(9.323.500)</u>
Số cuối kỳ	<u>97.989.896</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Quý 3 năm 2019

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	(22.706.948.545)	379.250.167.679
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	14.612.293.621	14.612.293.621
Số dư cuối kỳ trước	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	(8.094.654.924)	393.862.461.300
Số dư đầu năm nay	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	(19.610.510.096)	382.346.606.128
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	35.207.573.839	35.207.573.839
Tăng khác	-	-	-	-	9.991.295	9.991.295
Số dư cuối kỳ này	364.000.000.000	46.144.781.818	(9.481.291.820)	1.293.626.226	15.607.055.038	417.564.171.262

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

19b. Cổ phiếu

	<u>30.09.2019</u>	<u>01.01.2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.400.000	36.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.400.000	36.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.400.000	36.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(1.000.000)	(1.000.000)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.000.000)	(1.000.000)
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.400.000	35.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	35.400.000	35.400.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	1.320.815.298
Doanh thu cung cấp dịch vụ	171.716.606 ✓	99.692.852
Doanh thu KD bất động sản	27.548.216.106 ✓	-
Doanh thu cho thuê lại đất	10.099.659.100 ✓	6.857.727.273
Cộng	<u>37.819.591.812</u>	<u>8.278.235.423</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	226.267.496 ✓	-
Giá vốn KD bất động sản	14.702.816.270 ✓	-
Giá vốn cho thuê lại đất	1.617.070.030 ✓	4.652.943.369
Cộng	<u>16.546.153.796</u>	<u>4.652.943.369</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.436.033.066	536.271.885
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.914.770.547	29.241.599.879
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty liên kết	-	(4.437.230.000)
Doanh thu tài chính khác	942.000.000	-
Cộng	<u>44.292.803.613</u> ✓	<u>25.340.641.764</u> ✓

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2019

4. Chi phí tài chính

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	2.790.580.111	270.958.702
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	46.675.000	673.872.638
Chi phí tài chính khác	128.205.942	114.919.227
Cộng	<u>2.965.461.053</u>	<u>1.059.750.567</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Chi phí cho nhân viên	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	683.327.727	257.228.750
Cộng	<u>683.327.727</u>	<u>257.228.750</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Chi phí cho nhân viên	22.485.660.759	11.693.586.169
Chi phí vật liệu quản lý	49.990.343	26.800.312
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.587.997	123.365.520
Thuế, phí và lệ phí	177.517.147	1.068.131.334
Dự phòng(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(6.637.306.966)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.607.181.095	1.383.934.295
Các chi phí khác	1.652.132.428	2.740.981.602
Cộng	<u>28.311.069.769</u>	<u>10.399.492.266</u>

7. Thu nhập khác

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Thu tiền phạt hợp đồng	579.396.609	
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng	987.519.546	
Thu nhập khác	501.127.376	15.060.000
Cộng	<u>2.068.043.531</u>	<u>15.060.000</u>

8. Chi phí khác

	<u>30.9.2019</u>	<u>30.9.2018</u>
Chi phí hỗ trợ kinh phí chương trình XD nông thôn mới tại Lạng Sơn	300.000.000	
Chi bồi thường hợp đồng	70.000.000	
Thuế phạt chậm nộp	76.852.768	91.249.345
Chi phí khác	20.000.004	315.036.049
Cộng	<u>466.852.772</u>	<u>406.285.394</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý 3 năm 2019

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Hoài Giang


Nguyễn Hoài Giang



Phạm Duy Hưng